

Số: 83/2017/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v Quy định mức thu lệ phí đăng ký cư trú,  
lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 374/TTr-UBND ngày 22/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc “Quy định mức thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”; báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định về đối tượng, mức thu, việc nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thu lệ phí;

b) Hộ gia đình, cá nhân khi làm thủ tục đăng ký cư trú hoặc cấp chứng minh nhân dân.

**Điều 2. Mức thu lệ phí, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng cư trú, chứng minh nhân dân:**

1. Mức thu:

TT	Công việc thực hiện	Mức thu (Đơn vị tính: VNĐ)	
		Các phường của thành phố Bắc Ninh	Các đơn vị cấp xã còn lại
<b>Lệ phí đăng ký cư trú</b>			
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người.	30.000	22.000
2	Cấp mới (kể cả tách hộ), cấp đổi, cấp lại sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân.	20.000	15.000
3	Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, gia hạn tạm trú.	15.000	10.000
<b>Lệ phí cấp chứng minh nhân dân</b>			
1	Cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi (không bao gồm tiền ảnh).	15.000	10.000

2. Các trường hợp miễn thu lệ phí:

a) Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; mẹ Việt Nam anh hùng, người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên), người khuyết tật, người có công với cách mạng;

b) Hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo;

c) Công dân là trẻ em (dưới 16 tuổi); công dân dưới 18 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa;

d) Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, đổi chứng minh nhân dân khi nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính, đổi tên đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú;

đ) Đính chính lại địa chỉ do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố số nhà; xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú;

3. Các trường hợp không phải nộp lệ phí:

Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, đổi chứng minh nhân dân khi có sai sót về thông tin trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, trên chứng minh nhân dân do lỗi của cơ quan quản lý cư trú, chứng minh nhân dân.

4. Cơ quan thu lệ phí:

a) Cơ quan thu lệ phí đăng ký cư trú: Công an xã, phường, thị trấn; Công an thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn;

b) Cơ quan thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân: Công an các huyện, thị xã, thành phố; Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

5. Quản lý và sử dụng lệ phí:

a) Số tiền thu lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước;

b) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật:

Nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định. Việc thu, nộp, quản lý, sử dụng chứng từ thu, công khai chế độ thu phí được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hàng năm cơ quan thu lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân phải lập dự toán thu lệ phí cùng với dự toán thu, chi ngân sách nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Nghị quyết này bãi bỏ điểm b, c khoản 1 mục II Phần B (đối với khoản lệ phí) trong Danh mục, nội dung về phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 119/2014/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc quy định mức thu phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XVIII, kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 08/12/2017 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, CP (b/c);
- Bộ Công an, Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng TH, lưu VT *nb*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hương Giang**